TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ơn và ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ. .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX - ST ngày 11/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Quách Thị Hải Y**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- *Bị đơn*: **Anh Bùi Văn T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quách Thị Hải Y trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 29/5/2020. Trong quá trình chung sống trong khoảng 4 năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do vấn đề kinh tế và sự vô tâm của anh T trong cuộc sống gia đình hàng ngày nên vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi nhau trong thời gian dài, từ đó dẫn đến tình cảm phai nhạt và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do vậy, chị Quách Thị Hải Y đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Quách Hạo N sinh ngày 13/12/2020. Khi ly hôn, chị Quách Thị Hải Y có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Bùi Quách Hạo N và chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

***Phần trình bày của bị đơn*:**

Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Toà án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, không tiến hành phiên hòa giải được và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án); khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Hải Y, xử cho chị Quách Thị Hải Y được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Quách Thị Hải Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Bùi Quách Hạo N, sinh ngày 13/12/2020. Ghi nhận chị Quách Thị Hải Y chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; về nợ chung: Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T không

có nợ chung. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 29/5/2020 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T có 01 con chung là Bùi Quách Hạo N, sinh ngày 13/12/2020.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Quách Thị Hải Y giao nộp tại Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Bùi Văn T và chị Quách Thị Hải Y, đăng ký ngày 29/5/2020 (Bản chính); căn cước công dân mang tên Quách Thị Hải Y; căn cước công dân của anh Bùi Văn T (bản sao); giấy khai sinh của con chung mang tên Bùi Quách Hạo N (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Quách Thị Hải Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn T; Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 29/5/2020 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị Hải Y: Chị Y trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến tình cảm phai nhạt và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của Chị Y, anh T tại xóm T và gia đình anh T. Kết quả cho thấy: Vợ chồng anh Bùi Văn T và chị Quách Thị Hải Y thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã. Gia đình anh T cho rằng trong thời gian làm dâu, vợ chồng Chị Y xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách và lối sống, chị Y nghi ngờ anh T có mối quan hệ tình cảm ngoài vợ chồng. Tuy nhiên, gia đình anh T đã nhiều lần khuyên nhủ và hòa giải nhưng chị Y và anh T đều không đồng ý quay lại đoàn tụ với nhau nữa (bút lục 44 – 45).

Xét thấy, vợ chồng anh T chị Y sống ly thân, thời gian sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị Hải Y là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Quách Hạo N, sinh ngày 13/12/2020. Hiện nay, con chung đang ở với chị Y. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn T không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh T. Con chung đang sinh sống ổn định với chị Y. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, anh T không quan tâm và hỗ trợ kinh tế với Chị Y để nuôi con chung. Chị Y đang làm Công ty U; địa chỉ: Lô F, khu công nghiệp Q, xã P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Nay là: phường P, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập bình quân từ 12.600.000 đồng đến 13.066.500 đồng/tháng. Do vậy, đề nghị của chị Y cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho chị Y được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận Chị Y chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T không có tài sản chung vợ chồng nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Quách Thị Hải Y và anh Bùi Văn T không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Quách Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án); khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Quách Thị Hải Y. Xử cho chị Quách Thị Hải Y ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Quách Thị Hải Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Quách Hạo N, sinh ngày 13/12/2020. Chị Quách Thị Hải Y chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Quách Thị Hải Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000817 ngày 05/6/2025 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 15- Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3);
- VKSND khu vực 15 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Mô, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình; nay là: UBND xã Toàn Thắng, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 29/5/2020)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hương